

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 -THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số : 84 /2025/HS -ST
Ngày 25 - 8 - 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do -Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 -THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Tô Văn Nhung và ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Kim Vinh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16-
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16, cơ sở 1-
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 26/2025/HSST ngày
10 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93 /2025/QĐXXST-
HS ngày 14/8/2025 đối với bị cáo:

Bùi Ngọc Đ, sinh ngày 19/5/1984 tại tỉnh Đồng Nai; thường trú: 84/A2 tổ B,
khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố
Hồ Chí Minh); tạm trú: 7/13 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương
(nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh); giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam;
dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Bảo vệ - Kinh doanh tự do; trình độ
học vấn: 12/12; con ông Bùi Văn B, sinh năm 1959 và con bà Lê Thị Ngọc T (đã
chết); bị cáo có 01 con sinh năm 2005; tiền sự, tiền án: Không có. Bị cáo bị bắt truy
nã ngày 29/4/2025 (có mặt).

Bị hại: Chị Đỗ Thị Phương H, sinh năm 1986; thường trú: Số A khu phố T,
phường D, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người làm chứng: Anh Vũ Quang T1 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ
án được tóm tắt như sau:

Ngân hàng TMCP Á địa chỉ số A N, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh
Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) có hợp đồng thuê khu vực
khuôn viên phía trước của Trung tâm toán “Trí Tuệ” (liền kề trụ sở Ngân hàng A)
làm bãi giữ xe máy cho khách hàng và nhân viên của Ngân hàng do Bùi Ngọc Đ
đảm nhận việc trông giữ xe.

Làm việc tại đây, Đ biết chị Đỗ Thị Phương H kế toán của Trung tâm toán
“Trí Tuệ” thường để xe mô tô hiệu Yamaha Nozza, biển số 61D1 – 850.02 tại bãi xe

do Đ trông giữ, biết chị H hay để tiền ở trong cốp xe mô tô. Đ đã chiếm đoạt nhiều lần tiền của chị H bằng cách Đ mua 01 chìa khóa xe máy hiệu LUUMY giống chìa khóa xe của chị H để mở cốp xe mô tô. Trong các ngày 25/9/2023; 28/9/2023, 30/9/2023 và 03/10/2023, Đ tiếp cận xe mô tô của chị H, di chuyển xe ra góc khuất Camera an ninh ở bãi giữ xe, dùng chìa khóa đã mua cắm vào ổ khóa mở cốp xe, đưa tay phải vào trong cốp xe lấy tiền lần đầu lấy được vài trăm ngàn đồng, các lần sau lấy từ vài triệu (trên 2.000.000 đồng trở lên), lần cuối là lần thứ 8 lấy được 20.200.000 đồng. Sau mỗi lần lấy tiền, Đ đóng cốp xe mô tô lại rồi đẩy xe về vị trí cũ. Trong ngày 3/10/2023 chị H nghi vấn và yêu cầu Ngân hàng A kiểm tra Camera an ninh và xác định Đ là người lấy tiền. Chị H yêu cầu anh Vũ Quang T1 là Đội trưởng bảo vệ của Ngân hàng A làm việc với Đ, Đ thừa nhận hành vi chiếm đoạt tiền của chị H và giao nộp lại số tiền 20.200.000 đồng vừa lấy, đến chiều cùng ngày Đ trả thêm cho chị H 18.000.000 đồng. Sau đó Đ làm giấy cam kết trả số tiền còn lại 82.400.000 đồng vào ngày 10/10/2023 nhưng không trả và bỏ trốn.

Kết luận giám định số 543/KL-KTHS ngày 23/01/2024 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận về đối tượng giám định: Trong mẫu vật A có chứa 01 tập tin video. Tên tập tin video: 1329557620461639642.mp4. MD5: 53c1b62f3fe53b56d672c33bde488d0. Dung lượng: 2.97MB, thời lượng: 58 giây. Được trích xuất làm 4 khung hình (có hình ảnh Đ đẩy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nozza biển số 61D1 – 850.02 của chị H từ 09 giờ 18 phút đẩy xe ra đến 09 giờ 20 phút Đ đẩy xe về vị trí cũ)

Vật chứng thu giữ: 01 chìa khóa xe mô tô hiệu LUUMY bằng kim loại (màu đen , bạc)

Về trách nhiệm dân sự: Chị Đỗ Thị Phương H yêu cầu bị cáo Bùi Ngọc Đ bồi thường số tiền chiếm đoạt còn lại 82.400.000 đồng.

Cáo trạng số 05/CT-VKS - DA ngày 07/7/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Bùi Ngọc Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025 (gọi tắt Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo và đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Ngọc Đ từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đ bồi thường cho bị hại Đỗ Thị Phương H số tiền 82.400.000 đồng.

Bị hại Đỗ Thị Phương H: Mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị như vậy là thấp. Bị hại yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét xử nghiêm, làm sao để bị cáo khắc phục số tiền còn lại cho bị hại nhanh nhất. Việc bị cáo làm đối với bị hại ảnh hưởng lớn đến gia đình bị hại, sau vụ việc vợ chồng bị hại ly hôn, con cái thiếu tình cảm, bị hại phải trả nợ khoản tiền do bị cáo chiếm đoạt.

Bị cáo Đ không tranh luận, bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo hối lỗi việc mình

làm, bị cáo xin lỗi bị hại, xin xem xét giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất để bị cáo sớm chấp hành xong hình phạt về làm khắc phục hậu quả cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D (nay là Công an Thành phố H), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 -Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định có tội của bị cáo Bùi Ngọc Đ: Trong khoảng thời gian từ 25/9/2023 đến 03/10/2023, bị cáo Đ đã 08 lần lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Đỗ Thị Phương H với tổng số tiền 120.600.000 đồng. Hành vi trên của bị cáo Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự

[3] Bản cáo trạng số 05/CT – VKS ngày 07/7/2025 của Viện kiểm sát khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo cũng như luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đ phạm tội trong các ngày 25/9/2023 đến 03/10/2023 tổng 8 lần, 7 lần phạm tội đều đủ định lượng từ 2.000.000 đồng trở lên, thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn báo nhận tội, ăn năn hối cải. Bị cáo đã khắc phục thiệt hại được 01 phần cho bị hại H. Tình tiết giảm nhẹ trên được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Đ có nhân thân tốt thể hiện việc không có tiền án án, tiền sự.

[7] Về tính chất mức độ tội phạm: Bị cáo Đ phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 7 năm tù. Bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của bị hại H được pháp luật bảo vệ, mà còn ảnh hưởng trật tự trị an và an toàn trong xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đỗ Thị Phương H yêu cầu bị cáo Đ bồi thường số tiền thiệt hại còn lại 82.400.000 đồng. Vì vậy, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại.

[9] Về vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ 01 chìa khóa xe mô tô bằng kim loại màu đen bạc. Bị cáo Đ sử dụng vào việc phạm tội. Cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân mức hình phạt và trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Đ phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận.

[11] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm, án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc Đ 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/4/2025

2. Các biện pháp tư pháp

2.1 Về trách nhiệm dân sự : Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Bùi Ngọc Đ phải bồi thường cho bị hại chị Đỗ Thị Phương H số tiền 82.400.000 đồng (tám mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.2 Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 89, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa xe mô tô hiệu LUUMY bằng kim loại màu đen, bạc.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản 04/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 -Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Q khoá 14.

Bị cáo Bùi Ngọc Đ phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 4.120.000 đồng (bốn triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh (01);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh (01);
- VKSND Khu vực 16 – TP. Hồ Chí Minh (01);
- Công an TP. Hồ Chí Minh (01);
- THADS TP. Hồ Chí Minh (01);
- PV 06 - Công an TP. Hồ Chí Minh (01);
- PC 10 - Công an TP. Hồ Chí Minh (01);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú hoặc nơi phát hiện tội phạm (01);
- Người tham gia tố tụng (01);
- THA hình sự (04);
- Phân trại tạm giam khu vực Dĩ An (01);
- Lưu: Hồ sơ, văn thư (02);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Linh